

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ L  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 53/2017/HSST**

**Ngày: 17.8.2017**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Quốc Thái Bình.***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông **Võ Mừng** - Nghề nghiệp: Công chức nhà nước.

Nơi công tác: Ủy ban MTTQ thị xã L.

2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt** - Nghề nghiệp: Công chức nhà nước.

Nơi công tác: Nhà thiếu nhi thị xã L.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Yến Nhi*** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Kim Đức*** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 57/2017/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

**HOÀNG Đ** - Sinh năm: 1983, tại Bình Thuận.

Nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Trình độ học vấn: 4/12. Nghề nghiệp: Làm nông.

Tiền sự, tiền án: Không.

Con ông: Hoàng C, sinh năm 1959 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1956.

Vợ: Trần Thị T, sinh năm 1980; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Bị cáo bị bắt ngày **20.5.2017**, tạm giữ đến ngày 23.5.2017 thì được trả tự do. Hiện tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 19 ngày 14/6/2017 của Cơ quan điều tra. (Có mặt)

\* **Người bị hại:** V/c ông **Phạm K**, sinh năm: 1963 và bà **Hoàng Thị T**, sinh năm: 1977. (Có mặt)

Cùng trú tại: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ **Đinh Văn T**, sinh năm: 1974. (Có mặt)

Trú tại: Thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2/ **Phạm Đình K**, sinh năm: 1989. (Vắng mặt)  
Trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

### **NHẬN THẤY:**

***Bị cáo Hoàng Đ bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố về hành vi phạm tội như sau:***

Sáng ngày 19/5/2017, Phạm Văn N (sinh năm: 2004, trú thôn H, xã T, thị xã L) dắt đàn bò của gia đình đi chăn tại cánh đồng dây kẽm thuộc thôn H, xã T, thị xã L cho đến trưa, thì N cột bò tại vườn thanh long của người dân rồi về nhà ăn cơm. Đến khoảng 13 giờ, Hoàng Đ ra ruộng lúa phía sau nhà làm thì thấy 01 con bò lông màu đỏ, trên lưng có lông màu xám đen đang di chuyển từ vườn thanh long qua vườn trà nhưng không có ai trông coi, nên Đ nảy sinh ý định bắt trộm để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định này, Đ dắt bò đến cột ở mương nước gần đập thủy lợi hồ Núi Đất. Do trước đây đã nhiều lần môi giới bán bò cho ông Đình Văn T, nên sáng ngày 20/5/2017, Đ gọi điện cho ông T đến để bán bò. Sau khi xem bò, do chưa đồng ý với mức giá 18.000.000 đồng mà Đ đưa ra nên ông T đi về. Một lúc sau, ông T gọi điện cho Đ hỏi mua bò với giá 17.500.000 đồng thì Đ đồng ý bán. Sau đó, ông T thuê xe anh Phạm Đình K lên chở bò về, đồng thời nhờ anh K đưa cho Đ số tiền 17.700.000 đồng, bao gồm 17.500.000 đồng tiền mua bò và 200.000 đồng cho thêm Đ vì những lần môi giới bán bò trước đây. Trên đường anh K chở bò về thì bị ông Phạm K (cha ruột Phạm Văn N) phát hiện và lấy xe mô tô đuổi theo đến nhà ông T. Sau khi xác định đây là con bò mình bị mất, ông K đã gọi điện báo Công an thị xã L đến lập biên bản tạm giữ con bò này.

Theo Kết luận định giá tài sản số 31/KL-ĐGTS ngày 24/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L xác định: 01 con bò đực khoảng 01 năm 08 tháng, sừng dài 06cm, lông màu đỏ, trên lưng có lông màu xám đen, trọng lượng 100kg, có giá trị là **15.000.000** đồng.

**Vật chứng vụ án:** 01 con bò đực lông màu đỏ, trên lưng có lông màu xám đen, trọng lượng 100kg đã được Cơ quan điều tra trả lại cho ông Phạm K theo biên bản trả lại tài sản ngày 24/5/2017.

**Về dân sự:** Người bị hại vợ chồng ông Phạm K - bà Hoàng Thị T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đình Văn T đã nhận lại tài sản (bò cũng như số tiền mua bò) và không có yêu cầu bị cáo Hoàng Đ bồi thường gì thêm về phần dân sự.

***Tại bản cáo trạng số: 56/QĐ-VKS ngày 20/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Hoàng Đ, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.***

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, đề nghị Hội đồng xét xử; Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Đ, phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm h, điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Hoàng Đình, mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

\* **Biện pháp tư pháp;** Áp dụng: Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm c Khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo Hoàng Đ nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 100.000 đồng.

*Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.*

### **XÉT THẤY:**

Tại Tòa, bị cáo Hoàng Đ thừa nhận hành vi đúng như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố. Xét, lời khai của bị cáo tại Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 13 giờ ngày 19/5/2017 tại thôn H, xã T, thị xã L. Bị cáo Hoàng Đ đã lén lút dắt trộm 01 con bò đực (có đặc điểm: lông màu đỏ, trên lưng có lông màu xám đen, sừng dài 06cm, trọng lượng 100kg), trị giá 15.000.000 đồng của vợ chồng ông Phạm K và bà Hoàng Thị T đang chăn thả tại đây. Sau đó, bị cáo Đ dắt bò đến giấu tại khu vực nương nước gần đập thủy lợi hồ Núi Đất. Đến sáng ngày 20/5/2017, bị cáo Đ liên hệ bán con bò này cho ông Đình Văn T với giá 17.500.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Hoàng Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Hoàng Đ về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo Hoàng Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe để lao động tạo thu nhập chính đáng. Mặc dù bản thân bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng với bản tính tham lam, lười lao động, lại muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài mà không phải lao động nặng nhọc, nên bị cáo đã lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản, để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhằm mục đích tư lợi cá nhân.

Hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Đ gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, xem thường pháp luật, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự của địa phương, tạo tâm lý mất an toàn trong quần chúng nhân dân. Xét thấy, với tình hình trộm cắp tài sản hiện nay trên địa bàn thị xã L đang diễn ra thường xuyên, liên tục, tính chất ngày càng tăng, đã gây ảnh hưởng xấu đến đời sống sinh hoạt, hoạt động sản xuất của quần chúng nhân dân tại địa phương. Do đó, để lập lại trật tự, trị an xã hội, đồng thời tạo tâm lý an toàn trong quần chúng nhân dân, phải xử lý nghiêm và cần ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một

thời gian, để không những cải tạo và giáo dục chính bị cáo, mà còn làm gương cho những người khác.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hoàng Đ, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo các tình tiết sau: Quá trình điều tra và tại Tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về lỗi lầm của mình; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trình độ học vấn thấp (4/12) nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; Hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, các con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính; Tài sản đã được thu hồi kịp thời trả lại cho người bị hại và được người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các Điểm h, điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

**Về dân sự:** Người bị hại là vợ chồng ông Phạm K và bà Hoàng Thị T đã nhận lại đầy đủ tài sản (con bò) mà bị cáo Hoàng Đ đã chiếm đoạt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T, đã nhận lại số tiền 17.400.000 đồng tiền mua bò do bị cáo Đ trộm cắp mang đi bán, và không có yêu cầu nhận lại số tiền 100.000 đồng còn thiếu. Do vậy, số tiền 100.000 đồng là tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính từ việc phạm tội, cần buộc bị cáo Đ phải có nghĩa vụ nộp lại để sung quỹ nhà nước.

**Về vật chứng vụ án:** Quá trình điều tra đã giải quyết xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Bị cáo Hoàng Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* **Tuyên bố:** Bị cáo Hoàng Đ, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

\* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 138; Điểm h, điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

\* **Xử phạt:** Bị cáo Hoàng Đ **09 (Chín)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 20/5/2017 đến ngày 23/5/2017.

\* **Áp dụng:** Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC.

Tuyên: Buộc bị cáo Hoàng Đ phải có nghĩa vụ nộp lại số 100.000 đồng (tiền thu lợi bất chính) để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo Hoàng Đ chưa nộp lại số tiền thu lợi bất chính nêu trên để sung quỹ Nhà nước, thì hàng tháng phải chịu lãi, theo mức lãi suất 10%/ năm, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

**\* Áp dụng:** Điều 98, điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Hoàng Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- Phòng PC81- CA tỉnh Bình Thuận
- VKSND thị xã LaGi
- THADS thị xã LaGi
- Công an thị xã LaGi
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS - Lưu Tòa án
- UBND địa phương nơi BC cư trú

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Từ Quốc Thái Bình**